

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ- ST

Ngày 19 - 10 - 2018

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Minh Phú

Bà Bùi Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Cù Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:136/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1991, có mặt.

HKTT: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang ở tại: Thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam C.

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2018 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T tại Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến cuối năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T, chơi bời và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Ngoài ra, anh T còn có vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Chị khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh không nghe, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mẫu thuẫn trầm trọng. Chị về nhà mẹ đẻ từ tháng 4/2018, chị đã làm đơn ly hôn anh T gửi Tòa án, nhưng sau đó được Tòa án và hai bên gia đình hòa giải, chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Anh chị ly thân từ đó cho đến nay. Mặt khác, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 12/8/2009 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/3/2012. Hiện nay cả hai con đang ở với chị D do anh T phải đi chấp hành án về tội “Trộm cắp tài sản”. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2018, bị đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị D về quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng. Anh thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân anh thường xuyên chơi bời, không chính chu làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Hiện nay anh đang phải chấp hành án tại trại giam C về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn là 01 năm. Chị D đã làm đơn ly hôn anh nhưng sau đó được Tòa án, hai bên gia đình hòa giải chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nay chị lại tiếp tục làm đơn ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 12/8/2009 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/3/2012. Hiện nay cả hai con đang ở với chị D, do anh đang phải đi chấp hành án nên anh đồng ý để chị D trực tiếp nuôi cả hai con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, con chung và thu nhập của chị D, anh T tại địa phương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho Chị Trần Thị D được ly hôn Anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao cho Chị Trần Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 12/8/2009 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/3/2012. Anh Nguyễn Văn Tuất không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn.

3. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị D có đơn xin ly hôn với Anh Nguyễn Văn T hiện đang chấp hành án tại Trại giam C. Trước khi đi chấp hành án, anh T có nơi cư trú tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Anh Nguyễn Văn T vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Anh Nguyễn Văn T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị Trần Thị D và Anh Nguyễn Văn T là cuộc hôn nhân tiền bộ, hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng đã hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến cuối năm 2017, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt gia đình. Nguyên nhân do anh T thường xuyên chơi bời, không chỉnh chu làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị D đã từng làm đơn xin ly hôn anh T, nhưng sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Chị D về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4/2018, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T. Anh T vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai, anh cũng đồng ý ly hôn chị D. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T đã không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử thấy đề nghị xin ly hôn của chị D với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 12/8/2009 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/3/2012. Hiện nay cả hai con đang ở với chị D do anh T phải đi chấp hành án về tội “Trộm cắp tài sản”. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung. Do vậy, ly hôn cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 12/8/2009 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/3/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị D không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về quyền thăm non con chung sau ly hôn, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn.

Vì quyền lợi của các con, sau khi anh T chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương, chị D và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp nuôi con. Nếu các bên có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho Chị Trần Thị D được ly hôn Anh Nguyễn Văn T
2. Về con chung: Giao cho Chị Trần Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 12/8/2009 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/3/2012. Anh Nguyễn Văn T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị D.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí. Lệ phí Tòa án là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số: AA/2016/0003549 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên. Xác nhận Chị Trần Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở trại giam nơi chấp hành án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

